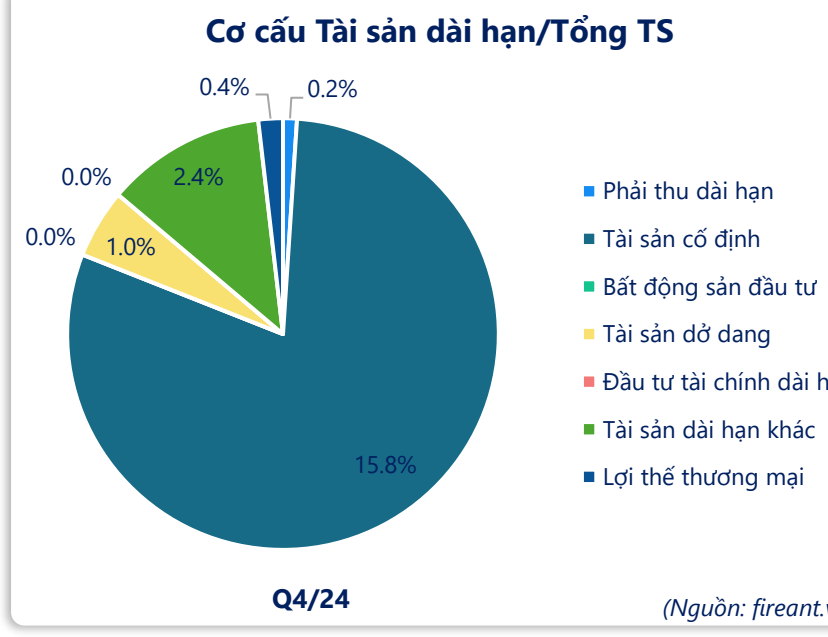
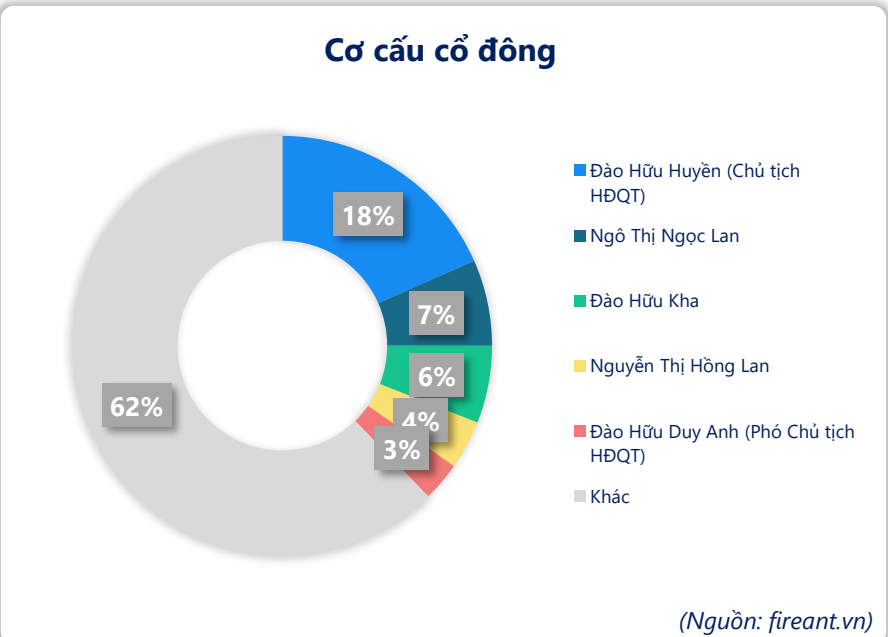
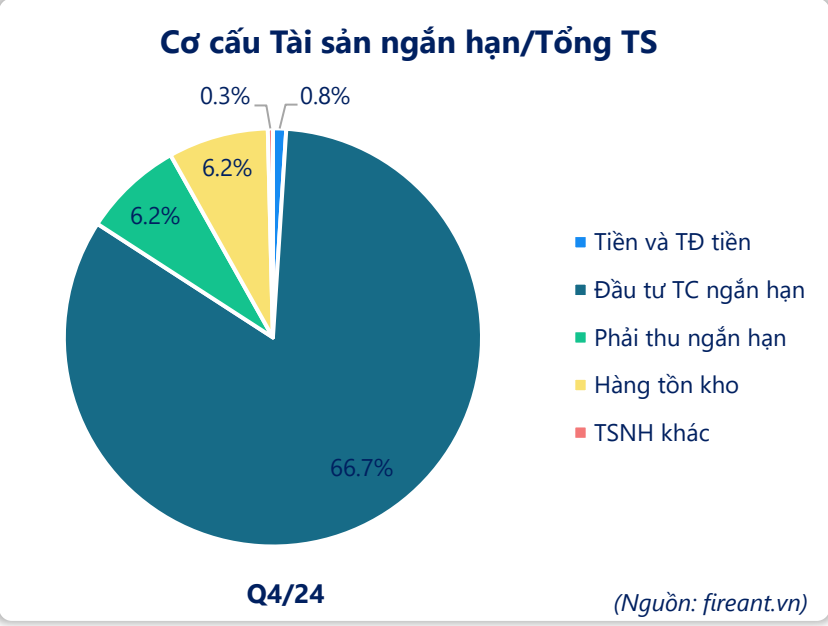
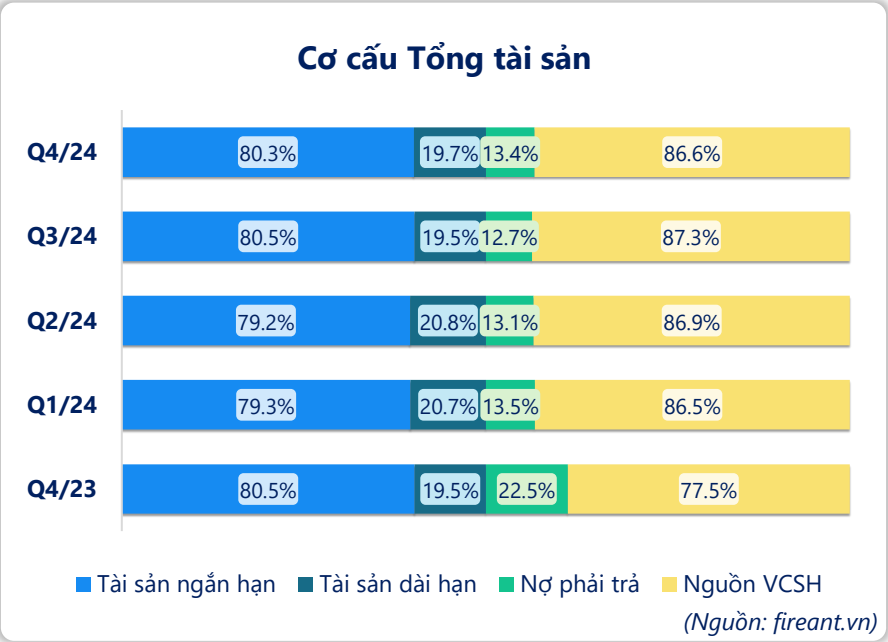
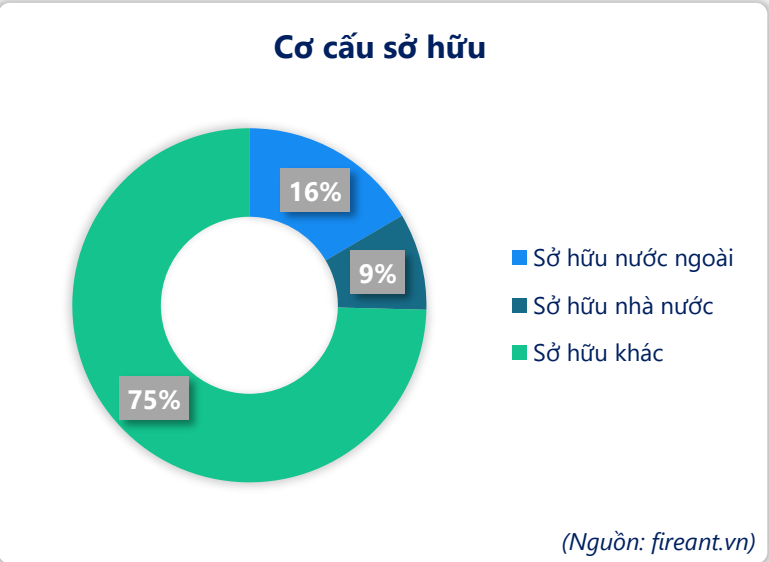
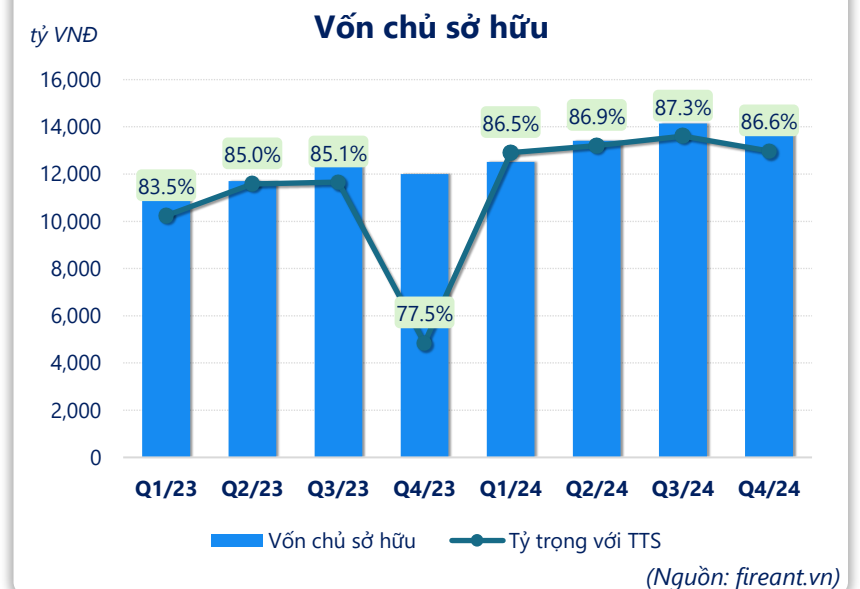
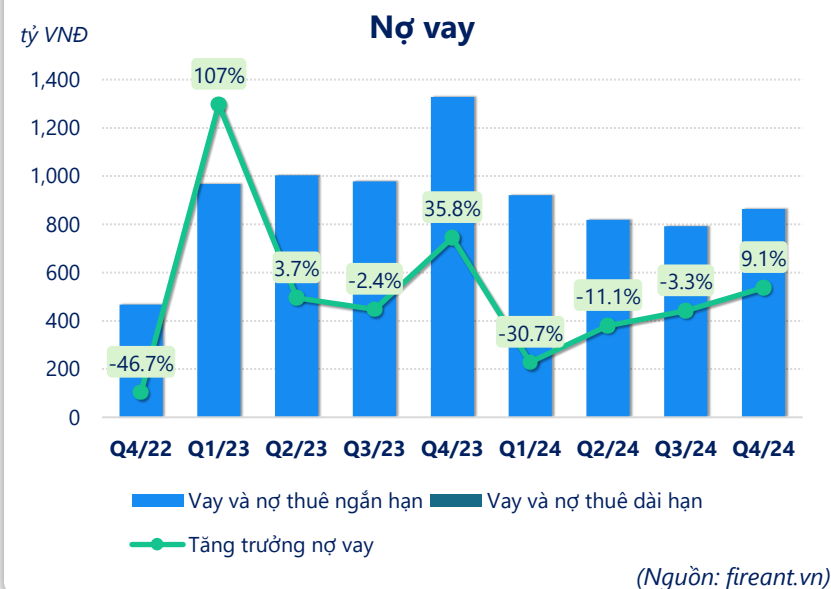
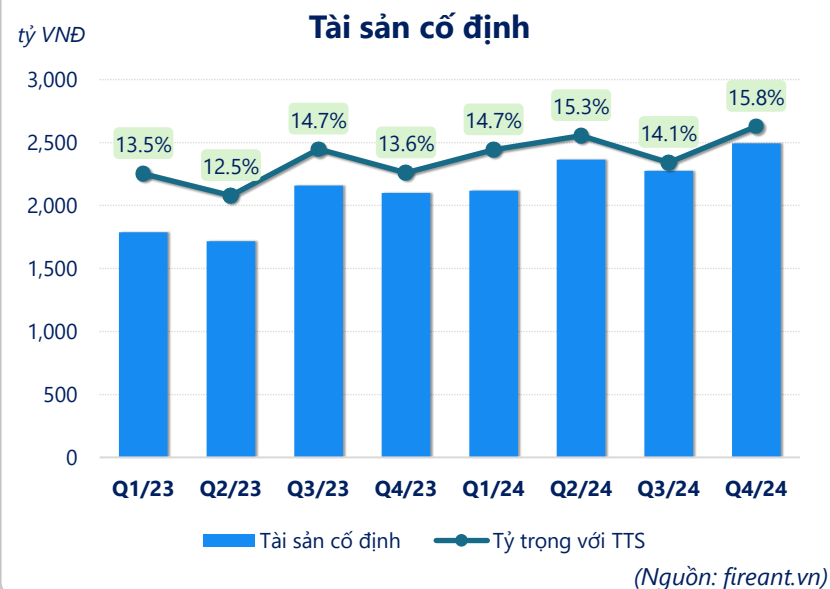
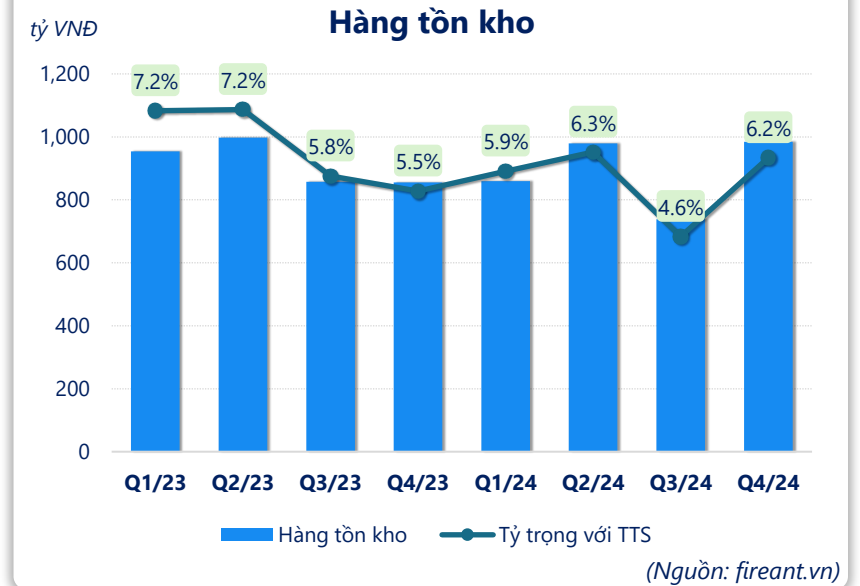
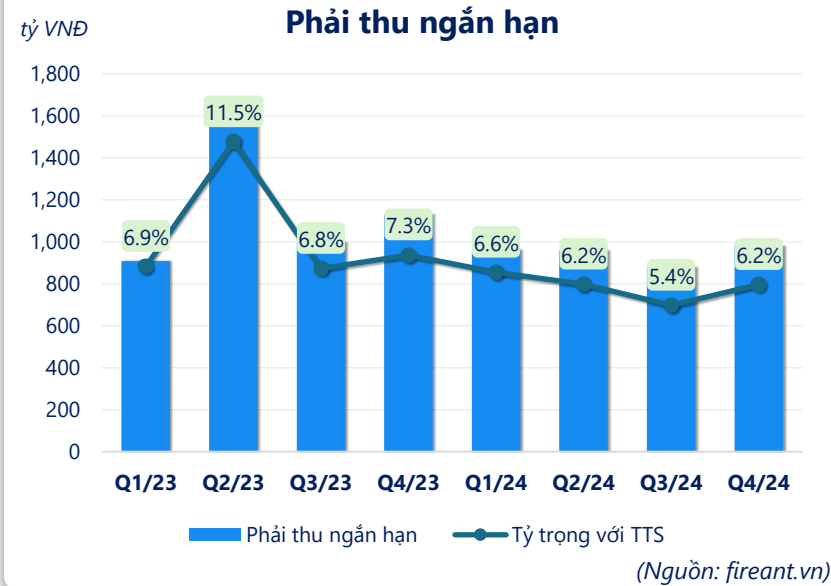
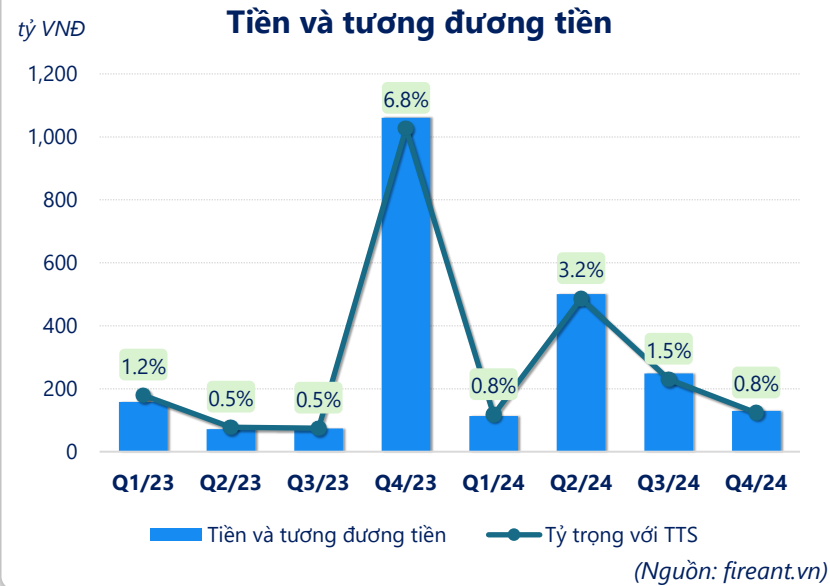
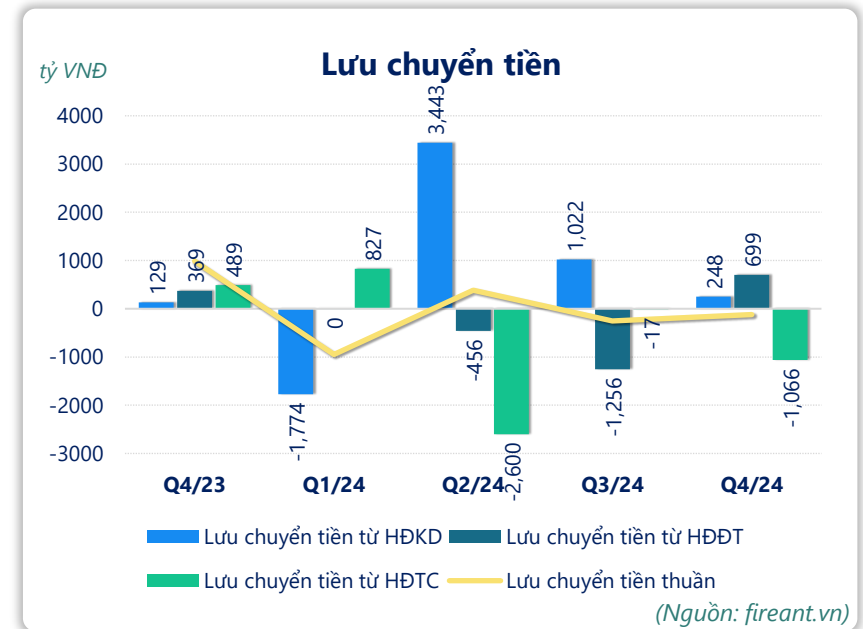
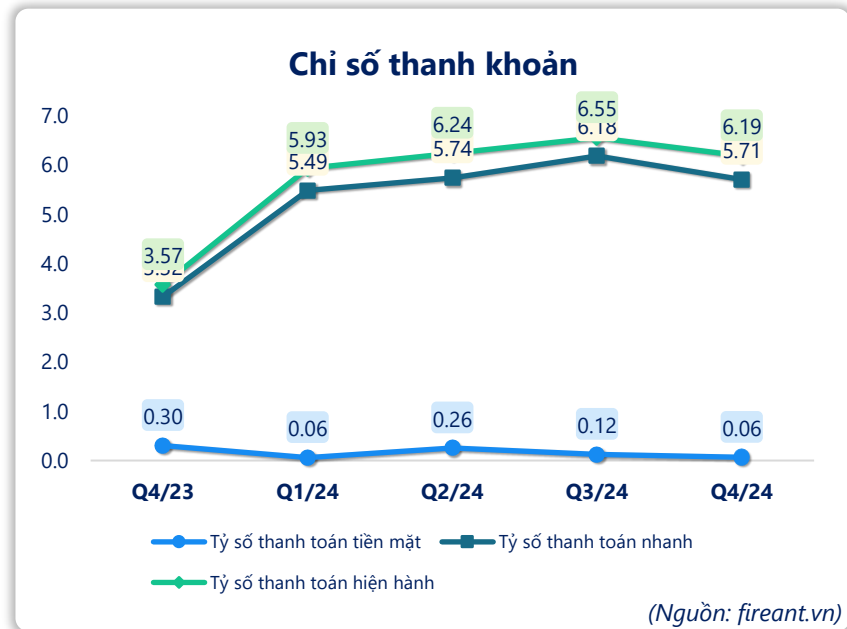
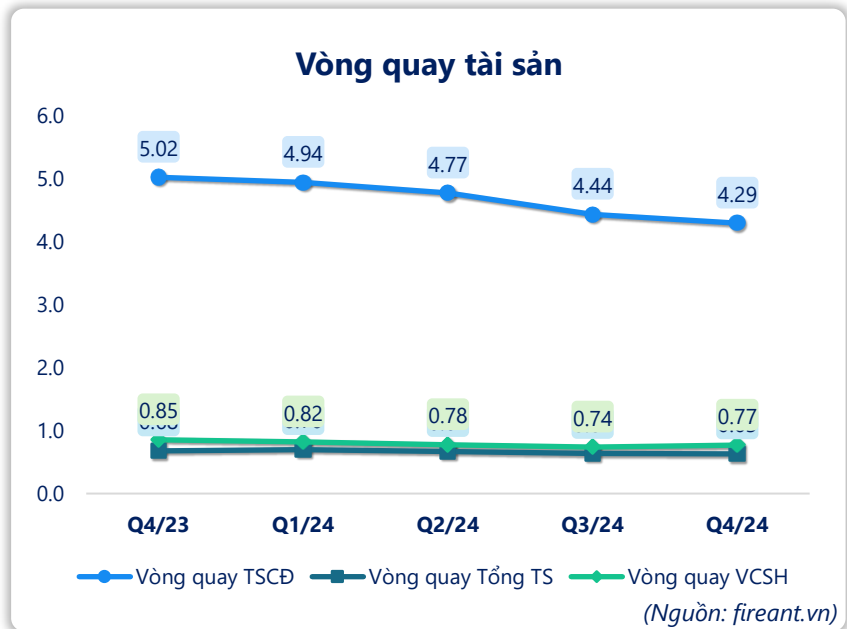
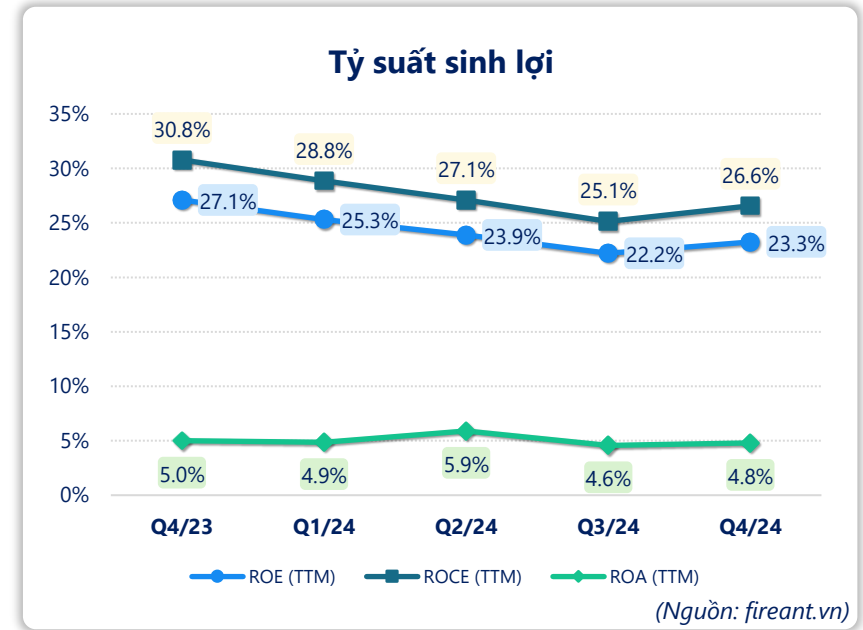
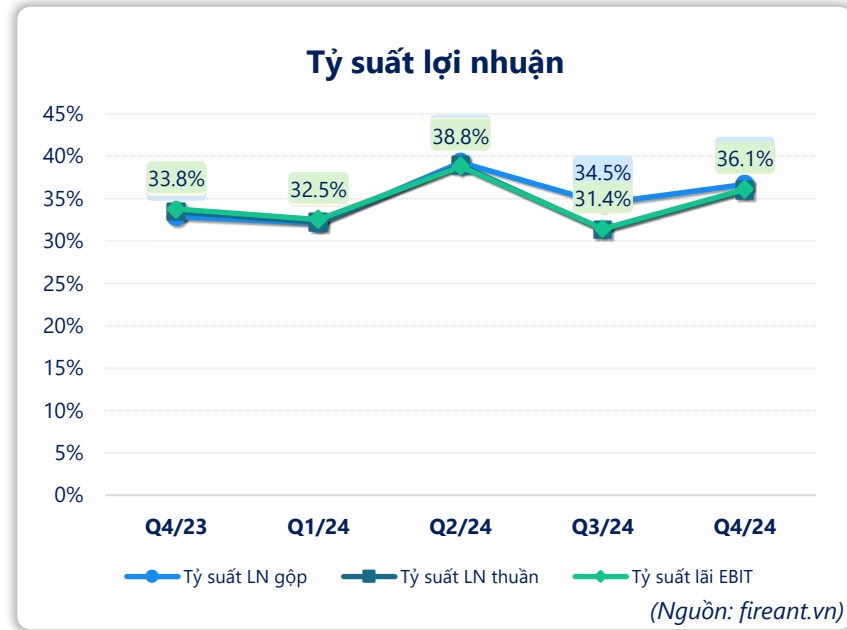
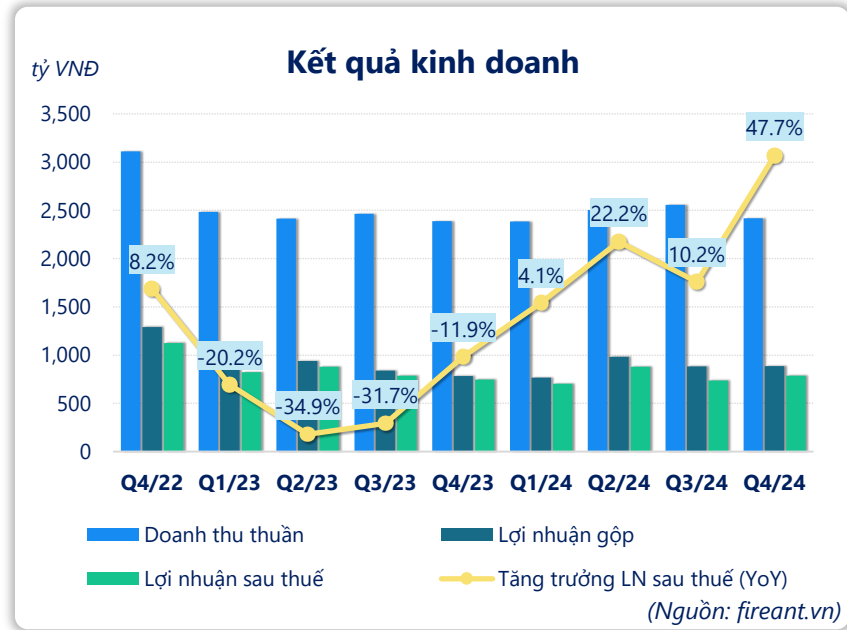


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		116,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		128,301
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		85,664
SL cổ phiếu LH		379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,013,005
% sở hữu nước ngoài		16.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		44,282
P/E		14.8
EPS		7,870

	YTD	1T	3T	6T
DGC		8.1%	5.1%	-5.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	15,820	15,536	1.8%
Tài sản ngắn hạn	12,700	12,467	1.9%
Tiền và tương đương tiền	130	1,061	-87.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,556	9,342	13.0%
Phải thu ngắn hạn	980	1,130	-13.3%
Hàng tồn kho	985	855	15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	49.6	79.7	-37.7%
Tài sản dài hạn	3,120	3,069	1.7%
Phải thu dài hạn	32.5	31.2	4.1%
Tài sản cố định	2,495	2,144	16.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	161	225	-28.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	374	356	5.1%
Lợi thế thương mại	57.3	313	-81.7%
Nợ phải trả	2,119	3,509	-39.6%
Nợ ngắn hạn	2,052	3,493	-41.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	864	1,328	-35.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	313	190	64.7%
Nợ dài hạn	67.1	16.1	318%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,701	12,027	13.9%
Vốn chủ sở hữu	13,701	12,027	13.9%
Vốn điều lệ	3,798	3,798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	2,388	2,385	2,505	2,558	2,418
Giá vốn hàng bán	1,603	1,619	1,521	1,677	1,531
Lợi nhuận gộp	784	766	983	881	887
Doanh thu HĐTC	194	165	165	151	168
Chi phí TC	35.6	18.0	15.9	22.2	12.2
Chi phí lãi vay	7.72	6.51	5.31	3.92	5.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	95.4	105	117	168	124
Chi phí QLDN	49.3	40.4	40.5	39.9	49.9
LN thuần từ HĐKD	798	768	975	802	869
Lợi nhuận khác	0.13	1.26	-9.15	-1.66	-2.00
LN trước thuế	799	769	966	800	867
Lợi nhuận sau thuế	746	704	880	738	787
LNST của CĐ cty mẹ	720	673	861	706	749

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	129	-1,774	3,443	1,022	248
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	369	-0.08	-456	-1,256	699
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	489	827	-2,600	-17.4	-1,066
Tiền đầu kỳ	73.2	1,061	113	500	248
Lưu chuyển tiền thuần	987	-947	387	-252	-119
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	-0.01	0.25
Tiền cuối kỳ	1,061	113	500	248	130

(Nguồn: fireant.vn)